

Số: 330 /KH-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 10 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đồng Nai
đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035**

Căn cứ Luật Dược ngày 6 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Chỉ thị số 24-CT/TW, ngày 04/7/2008 của Ban Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển nền Đông y Việt Nam và Hội Đông y trong tình hình mới;

Căn cứ Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp dược, dược liệu sản xuất trong nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 2056/QĐ-BYT ngày 25 tháng 05 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 30/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển dược liệu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2299/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 07 năm 2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công nhận, nghiệm thu kết quả đề tài nghiên cứu khoa học: “Đánh giá tiềm năng và thực trạng nguồn tài nguyên dược liệu (cây thuốc) ở Khu bảo tồn Thiên nhiên và Văn hóa Đồng Nai làm tiền đề xây dựng dự án Xây dựng Vườn quốc gia bảo tồn và phát triển cây thuốc” do Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai thực hiện;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 30/3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, Đề tài “Kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng 2035” do Viện Dược liệu thực hiện;

Căn cứ Kế hoạch số 05/KH-UBND, ngày 12 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Kế hoạch phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Thực hiện Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 01/7/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về thực hiện “Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045” tỉnh Đồng Nai.

UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu chung:

Bảo tồn, khai thác bền vững cây thuốc tự nhiên và phát triển trồng cây thuốc có tiềm năng về giá trị y tế, kinh tế, là thế mạnh của địa phương đáp ứng nhu cầu thị trường, góp phần đa dạng hóa cơ cấu cây trồng và nâng cao thu nhập cho người dân trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Mục tiêu cụ thể:

2.1. Từ nay đến năm 2025:

a) Nghiên cứu bảo tồn và phát triển các nguồn gen đặc hữu, quý, hiếm, có giá trị kinh tế cao tại tỉnh Đồng Nai gồm 18 loài cây thuốc thuộc đặc hữu, quý hiếm, có giá trị có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và Nghị định 84/2021 ND-CP về quản lý động thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước CITES. Các địa điểm bảo tồn in situ bao gồm: Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai; Vườn Quốc gia Cát Tiên, và Rừng phòng hộ Tân Phú (*Danh sách loài, mức phân hạng bảo tồn, địa điểm bảo tồn chi tiết theo phụ lục 1*).

b) Để bảo tồn nguồn gen đặc hữu của dược liệu: Xây dựng Vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia Nam Bộ tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai quy mô 100 – 200 ha. Bao gồm:

- Vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc): Bách bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack), Bò béo đen (*Goniothalamus vietnamensis* Bân), Câu đằng (*Uncaria macrophylla* Wall. ex Roxb.; *Uncaria lanosa* Wall.), Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook. et Arn) Planch.), Chó đẻ răng cưa (*Phyllanthus urinaria* L.), Cổ an, Dây hoàng liên (*Arcangelisia flava* (L.) Merr.), Cốt toái bổ (*Drynaria bonii* Christ; *Drynaria quercifolia* (L.) J.Sm.), Cồn mốc song đĩnh, Rau báo rừng (*Curculigo disticha* Gagnep.), Dây đau xương (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.), Gấm (*Gnetum montanum* Markgr.; *Gnetum macrostachyum* Hook.f.), Gối hạc (*Leea rubra* Blume), Mua sài gòn (*Melastoma saigonense* (Kuntze) Merr.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Nhóm cây huyết đằng (*Spaolobus harmandii* Gagnep; *Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze; *Callerya cinerea* (Benth.) Schot; *Callerya reticulata* (Benth.) Schot; *Callerya cochinchinensis* (Gagnep.) Schot; *Bauhinia khasiana* Baker), Núc nác (*Oroxylum*

indicum (L.) Kurz), Ráy gai (*Lasia spinosa* (L.) Thw.), Thần xạ hương (*Luvunga scandens* (Roxb.) Buch.-Ham.), Thành ngành (*Cratoxylon prumfolium* Dyer.), Thành ngành đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott; *Homalomena cochinchinensis* Engl.), Trung quân (*Ancistrocladus tectorius* (Lour.) Merr.).

- Vùng đệm Rừng phòng hộ Tân Phú: Bách bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack), Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.; *Stemona pierrei* Gagnep.), Câu đằng (*Uncaria macrophylla* Wall. ex Roxb.; *Uncaria lanosa* Wall.), Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook. et Arn) Planch.), Chó đẻ răng cưa (*Phyllanthus urinaria* L.), Cồn mốc song đỉnh, Rau báo rừng (*Curculigo disticha* Gagnep.), Cốt toái bồ (*Drynaria bonii* Christ; *Drynaria quercifolia* (L.) J.Sm.), Địa liên (*Kaempferia galanga* L.), Gỏi hạc (*Leea rubra* Blume), Mua sài gòn (*Melastoma saigonense* (Kuntze) Merr.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Nhóm cây huyết đằng (*Spatholobus harmandii* Gagnep; *Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze; *Callerya cinerea* (Benth.) Schot; *Callerya reticulata* (Benth.) Schot; *Callerya cochinchinensis* (Gagnep.) Schot; *Bauhinia khasiana* Baker), Nhóm nhân trần (*Adenosma glutinosa* (L.) Druce; *Adenosma indiana* (Lour.) Merr.), Thành ngành (*Cratoxylon prumfolium* Dyer.), Thành ngành đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott; *Homalomena cochinchinensis* Engl), Trung quân (*Ancistrocladus tectorius* (Lour.) Merr.).

- Vùng đệm Vườn Quốc gia Cát Tiên: Tắc kè đá (*Drynaria bonii* H. Christ), Thiên tuế xiêm (*Cycas siamensis* Miq.), Huệ đá (*Peliosanthes teta* Andrews subsp. *humilis* (Andr.) Jessop), Nần nghệ (*Dioscorea colletii* Hook. f.), Một lá (*Nervilia* spp.), Ba gác lá mỏng (*Rauvolfia micrantha* Hook.f.), Bồ bèo đen (*Goniothalamus vietnamensis* Ban), Cổ an (*Arcangelisia flava* (L.) Merr.), Giáng hương (*Pterocarpus macrocarpus* Kurz), Gõ mật (*Sindora siamensis* Teijsm. ex Miq.), Lệ dương (*Aeginetia indica* L.), Trà hoa vàng Dormoy (*Camellia dormoyana* (Pierre ex Laness.) Sealy), Ưoi (*Scaphium macropodium* (Miq.) Beumee ex K. Heyne).

- Khu vực Đông Nam tỉnh Đồng Nai (Xuân Lộc): Bách bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack), Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook. et Arn) Planch.), Cổ an, Dây hoàng liên (*Arcangelisia flava* (L.) Merr.), Cốt toái bồ (*Drynaria bonii* Christ; *Drynaria quercifolia* (L.) J.Sm.), Dây đau xương (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.), Gấm (*Gnetum montanum* Markgr.; *Gnetum macrostachyum* Hook.f.), Lạc tiên (*Passiflora foetida* L.), Nhóm cây huyết đằng (*Spatholobus harmandii* Gagnep; *Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze; *Callerya cinerea* (Benth.) Schot; *Callerya reticulata* (Benth.) Schot; *Callerya cochinchinensis* (Gagnep.) Schot; *Bauhinia*

khassiana Baker), Thành ngạnh (*Cratoxylon prunifolium* Dyer.), Thành ngạnh đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer).

(Danh sách các loài cây dược liệu có tiềm năng khai thác, khối lượng khai thác ước tính và địa điểm khai thác chi tiết trong phụ lục 2).

c) Xây dựng Quy trình khai thác bền vững một số loài cây dược liệu có tiềm năng khai thác và sử dụng ở tỉnh Đồng Nai gồm các nội dung cơ bản sau: Tên cây dược liệu; tên khoa học; Tiêu chuẩn cây khai thác; Thời vụ khai thác thích hợp; Phương pháp khai thác/thu hái; Phương pháp chế biến sơ bộ dược liệu đã khai thác/thu hái.

d) Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống, trồng và sơ chế một số loài cây dược liệu theo GACP-WHO tại tỉnh Đồng Nai.

đ) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) truy xuất nguồn gốc, trao đổi thông tin trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ dược liệu. Dữ liệu kết nối, cập nhật, và trao đổi thông tin liên ngành, liên nhà trong chuỗi sản xuất, tiêu thụ dược liệu phục vụ công tác sản xuất, phân phối tiêu thụ dược liệu, tối ưu hóa cung và cầu dược liệu một cách tự chủ.

2.2. Đến năm 2035:

a) Tiến tới chủ động nguồn giống dược liệu cho các vùng trồng. Trong đó 100% giống cây dược liệu chứng minh được nguồn gốc xuất xứ, sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao cung cấp cho các vùng trồng. Ưu tiên phát triển 15 loài cây dược liệu tại 3 vùng của tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- Vùng I (khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai): phát triển trồng dưới tán rừng 4 loài/nhóm loài cây dược liệu là Bách bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack), Sa nhân (*Amomum longiligulare* T. L. Wu., *A. villosum*), Trà hoa vàng (*Camellia* spp.), Lá khôi (*Ardisia gigantifolia* Stapf.); Trồng tập trung hoặc xen canh 3 loài là Dó bầu (*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte), Nhân trần (*Adenosma* spp.), Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.).

- Vùng II (Vùng gò đồi trung tâm): Phát triển 4 loài/nhóm loài tập trung hoặc xen cây công nghiệp/cây ăn quả là: Xáo tam phân (*Paramignya trimera* (Oliv.) Guillaud), Trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium* L.), Nhân trần (*Adenosma* spp.), Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.).

- Vùng III (Khu vực phía Đông – Nam tỉnh Đồng Nai): Phát triển 8 loài/nhóm loài tập trung hoặc trồng xen cây công nghiệp/cây ăn quả gồm có: Hoài sơn (*Dioscorea persimilis* Prain et. Burkill), Kim ngân (*Lonicera japonica*, L. confusa DC.), Lạc tiên (*Passiflora foetida* L.), Mạch môn (*Ophiopogon japonicus* (L.f.) Ker - Gawl.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Sâm bố chính (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr.), Thiên

môn đông (Asparagus cochinchinensis (Lour.) Merr.), Trinh nữ hoàng cung (Crinum latifolium L.).

(Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển trồng tại tỉnh Đồng Nai, địa điểm, năng suất, sản lượng trồng chi tiết của từng loài theo phụ lục 3).

b) Đối với những cây dược liệu lấy giống từ rừng, hoạt động thu hái hạt giống, cây con, hom giống cần đảm bảo tính bền vững không gây suy giảm nghiêm trọng tới quần thể của loài và môi trường sống xung quanh.

c) Xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu.

- Đối với dược liệu tự nhiên: Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác, thu mua dược liệu tại 11 huyện/thành phố/thị xã xây dựng, nâng cấp hệ thống sơ chế, chế biến tại chỗ, có kết hợp với các hệ thống phơi sấy nông sản đã có.

- Đối với dược liệu trồng: Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản dược liệu (có thể kết hợp với các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản khác) tại các vùng trồng dược liệu thuộc huyện Cẩm Mỹ, nơi được quy hoạch là vùng tập trung sản xuất dược liệu và vùng ứng dụng công nghệ cao.

d) Phát triển sản phẩm từ dược liệu: Bảo tồn và phát huy tri thức bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số về cây thuốc, bài thuốc, phát triển các sản phẩm từ cây dược liệu là lợi thế của địa phương để nâng cao giá trị dược liệu theo Chương trình OCOP (mỗi xã một sản phẩm).

II. Nhiệm vụ và giải pháp bảo tồn, phát triển Dược liệu trên địa bàn tỉnh:

1. Nhiệm vụ:

1.1. Bảo tồn cây dược liệu tự nhiên:

Bảo tồn tại chỗ cây dược liệu: Khoanh vùng bảo tồn tại chỗ (in situ) 18 loài cây thuốc đặc hữu, quý hiếm, có giá trị có tên trong Sách đỏ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam (2019) và Nghị định 84/2021 ND-CP về quản lý động thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước CITES. Các địa điểm bảo tồn in situ bao gồm: Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai; Vườn Quốc gia Cát Tiên, và Rừng phòng hộ Tân Phú.

1.2. Tạo nguồn dược liệu bền vững:

Khai thác cây dược liệu tự nhiên: Khoanh vùng khai thác tại 06 huyện Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc nhằm khai thác bền vững 22 loài/nhóm loài cây dược liệu mọc tự nhiên có tiềm năng khai thác. Bao gồm:

- Vùng đệm Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (Trảng Bom, Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú, Xuân Lộc): Bách bệnh (Eurycoma longifolia

Jack), Bồ bèo đen (*Goniiothalamus vietnamensis* Bân), Câu đằng (*Uncaria macrophylla* Wall. ex Roxb.; *Uncaria lanosa* Wall.), Chè dây (*Ampelopsis cantoniensis* (Hook. et Arn) Planch.), Chó đẻ răng cưa (*Phyllanthus urinaria* L.), Cỏ an, Dây hoàng liên (*Arcangelisia flava* (L.) Merr.), Cốt toái bồ (*Drynaria bonii* Christ; *Drynaria quercifolia* (L.) J.Sm.), Cồn mốc song đĩnh, Rau báo rừng (*Curculigo disticha* Gagnep.), Dây đau xương (*Tinospora sinensis* (Lour.) Merr.), Gấm (*Gnetum montanum* Markgr.; *Gnetum macrostachyum* Hook.f.), Gói hạc (*Leea rubra* Blume), Mua sài gòn (*Melastoma saigonense* (Kuntze) Merr.), Nhàu (*Morinda citrifolia* L.), Nhóm cây huyết đằng (*Spatholobus harmandii* Gagnep; *Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze; *Callerya cinerea* (Benth.) Schot; *Callerya reticulata* (Benth.) Schot; *Callerya cochinchinensis* (Gagnep.) Schot; *Bauhinia khasiana* Baker), Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz), Ráy gai (*Lasia spinosa* (L.) Thw.), Thần xạ hương (*Luvunga scandens* (Roxb.) Buch.- Ham.), Thành ngạnh (*Cratoxylum prunifolium* Dyer.), Thành ngạnh đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott; *Homalomena cochinchinensis* Engl), Trung quân (*Ancistrocladus tectorius* (Lour.) Merr.).

- Vùng đệm Rừng phòng hộ Tân Phú: Bách bệnh, Bách bộ, Câu đằng, Chè dây, Chó đẻ răng cưa, Rau báo rừng, Cốt toái bồ, Đại liên, Gói hạc, Mua sài gòn, Nhàu, Nhóm cây huyết đằng (*Spatholobus harmandii* Gagnep; *Spatholobus parviflorus* (Roxb. ex G.Don) Kuntze; *Callerya cinerea* (Benth.) Schot; *Callerya reticulata* (Benth.) Schot; *Callerya cochinchinensis* (Gagnep.) Schot; *Bauhinia khasiana* Baker), Nhóm nhân trần (*Adenosma glutinosa* (L.) Druce; *Adenosma indiana* (Lour.) Merr.), Thành ngạnh (*Cratoxylum prunifolium* Dyer.), Thành ngạnh đẹp (*Cratoxylum formosum* (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott; *Homalomena cochinchinensis* Engl.), Trung quân (*Ancistrocladus tectorius* (Lour.) Merr.).

- Khu vực Đông Nam tỉnh Đồng Nai (Xuân Lộc): Bách bệnh, Chè dây, Cỏ an, Cốt toái bồ, Dây đau xương, Gấm, Lạc tiên, Nhóm cây huyết đằng, Thành ngạnh, Thành ngạnh đẹp.

1.3. Trồng cây dược liệu:

Ưu tiên phát triển 15 loài cây dược liệu tại 3 vùng của tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

- Vùng I (khu vực phía Bắc tỉnh Đồng Nai): phát triển trồng dưới tán rừng 4 loài/nhóm loài cây dược liệu là Bách bệnh, Sa nhân, Trà hoa vàng, Lá khô; Trồng tập trung hoặc xen canh 3 loài là Dó bầu, Nhân trần, Thiên môn đông.

- Vùng II (Vùng gò đồi trung tâm): Phát triển 4 loài/nhóm loài tập trung hoặc xen cây công nghiệp/cây ăn quả là: Xáo tam phân, Trinh nữ hoàng cung, Nhân trần, Thiên môn đông.

- Vùng III (Khu vực phía Đông – Nam tỉnh Đồng Nai): Phát triển 8 loài/nhóm loài tập trung hoặc trồng xen cây công nghiệp/cây ăn quả gồm có: Hoài sơn, Kim ngân, Lạc tiên, Mạch môn, Nhàu, Sâm bổ chính, Thiên môn đông, Trinh nữ hoàng cung.

1.4. Sản xuất giống cây dược liệu:

a) Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất giống cây dược liệu ở Đồng Nai phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên nghiên cứu, sản xuất giống cây dược liệu chuyển giao quy trình sản xuất giống sạch bệnh, năng suất và chất lượng cao, đặc tính tốt, phù hợp với từng vùng sinh thái, phục vụ sản xuất dược liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Hình thành vườn giống gốc, vườn sản xuất giống của các cây dược liệu được đầu tư phát triển trồng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng Trung tâm sản xuất giống cây dược liệu cung ứng giống cho vùng trồng cây dược liệu. Quy mô dự kiến 2 - 5 ha. Địa điểm dự kiến: Khu nông nghiệp công nghệ cao tại Cẩm Mỹ.

1.5. Phát triển chuỗi giá trị cây dược liệu:

Căn cứ vào sản lượng dược liệu thu hái từ tự nhiên và trồng trọt dự kiến qua các năm, định hướng đến năm 2035 xây dựng các cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu.

- Đối với dược liệu tự nhiên: Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác, thu mua dược liệu tại 11 huyện/thành phố/thị xã xây dựng, nâng cấp hệ thống sơ chế, chế biến tại chỗ, có kết hợp với các hệ thống phơi sấy nông sản đã có (nhà kính phơi sấy dược liệu bằng ánh sáng mặt trời, hệ thống sấy dược liệu bằng hơi nước,...).

- Đối với dược liệu trồng: Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản dược liệu (có thể kết hợp với các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản khác) tại các vùng trồng dược liệu thuộc huyện Cẩm Mỹ, nơi được quy hoạch là vùng tập trung sản xuất dược liệu và vùng ứng dụng công nghệ cao.

1.6. Phát triển nguồn lực cho lĩnh vực dược liệu:

a) Xây dựng vùng sản xuất dược liệu có 01 – 02 chuỗi liên kết nghiên cứu, nuôi trồng, chế biến, sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, tuân thủ nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt trồng và thu hái cây thuốc của Tổ chức Y tế thế giới (GACP-WHO) bằng việc áp dụng công nghệ cao.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến dược liệu, thuốc từ dược liệu, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm.

2. Giải pháp thực hiện:

2.1. Nhóm giải pháp về thông tin, tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương của tỉnh về bảo tồn và phát triển Dược liệu:

a) Thông tin, tuyên truyền đại chúng; tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch và các cơ chế, chính sách có liên quan đến phát triển cây dược liệu tập trung tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

b) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về áp dụng tiêu chí thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc GACP-WHO; tuyên truyền các mô hình trồng cây thuốc có hiệu quả; tổ chức và tham gia hội chợ, triển lãm về dược liệu và các sản phẩm từ dược liệu sản xuất trong nước quy mô quốc gia và quốc tế.

c) Vận động doanh nghiệp, nông dân tham gia các chương trình, dự án trong lĩnh vực sản xuất dược liệu, tuân thủ các quy hoạch phát triển các loài cây trồng; canh tác theo các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng và có tính cạnh tranh cao.

d) Tuyên truyền quảng cáo về phát triển thương hiệu, thị trường tiêu thụ sản phẩm dược liệu sạch, dược liệu được thu hái, trồng trọt theo GACP-WHO, trồng hữu cơ, các chủ trương và bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên dược liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2.2. Nhóm giải pháp về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc bảo tồn và trồng, khai thác, bảo quản, sơ chế, chế biến, kinh doanh các sản phẩm Dược liệu:

a) Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, thông tin dự báo định hướng sản xuất gắn với thị trường và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

b) Xây dựng quy hoạch chi tiết từng vùng trồng dược liệu, phát huy lợi thế sản phẩm truyền thống đặc trưng địa phương, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất.

c) Tích tụ ruộng đất qua hình thức liên kết hình thành Hợp tác xã, Tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp, hình thành nên chuỗi giá trị hàng hóa nông sản.

2.3. Nhóm giải pháp tổ chức sản xuất dược liệu hiệu quả và bền vững:

a) Khuyến khích quy hoạch các vùng trồng cây dược liệu tập trung để đảm bảo hiệu quả cho công tác quản lý. Vận động nông dân góp quyền sử dụng đất, lao động, liên kết với các doanh nghiệp để có diện tích đất tập trung liền khoảnh để sản xuất dược liệu.

b) Huy động các hộ gia đình và hợp tác xã thực hiện với sự phối kết hợp giữa bốn nhà: nhà quản lý, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông. Khuyến khích tham gia dưới nhiều hình thức để triển khai sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dược liệu theo quy định của pháp luật.

2.4. Nhóm giải pháp về ứng dụng khoa học công nghệ trong bảo tồn và phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm dược liệu:

a) Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất giống, chăm sóc, thu hái và bảo quản, nâng cao chất lượng chế biến theo các tiêu chuẩn đã được Bộ Y tế ban hành. Xây dựng các mô hình ứng dụng các công nghệ mới, tiên tiến trong sản xuất. Tăng cường công tác khuyến nông, hướng dẫn người sản xuất thực hiện đúng quy trình kỹ thuật về canh tác, thu hái, bảo quản để duy trì và nâng cao sản xuất, chất lượng sản phẩm.

b) Phát huy vai trò của các đơn vị sự nghiệp khoa học tại Đồng Nai như: Trung tâm Khuyến nông, Trạm Khuyến nông cấp huyện, Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học công nghệ, các viện nghiên cứu, trường đại học ...để đáp ứng nhu cầu ứng dụng khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận.

c) Đề xuất, thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án ứng dụng khoa học và công nghệ trong bảo tồn, khai thác, nhân giống và phát triển cây dược liệu.

d) Phối hợp các Bộ, Ngành, các đơn vị nghiên cứu, đơn vị/tổ chức liên quan ở Trung ương và của tỉnh trong nghiên cứu, chuyển giao quy trình công nghệ; thực hiện lồng ghép với các nhiệm vụ khoa học công nghệ do tỉnh quản lý, nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và nhiệm vụ KHCN cấp Bộ ủy quyền cho địa phương quản lý thực hiện với các dự án phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

đ) Tập trung cho nghiên cứu, tuyển chọn, lai tạo, nhập nội giống cây dược liệu có ưu thế vượt trội, đáp ứng yêu cầu thị trường; nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện quy trình canh tác, thâm canh, bảo quản sau thu hoạch, chế biến đóng gói dược liệu đảm bảo tiêu chí GACP-WHO; tăng cường công tác khuyến nông, xây dựng mô hình trình diễn liên kết tổ chức sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

e) Nghiên cứu đa dạng hóa các dạng bào chế các bài thuốc dân tộc và các sản phẩm từ dược liệu, hướng tới khách hàng nhằm nâng cao chuỗi giá trị của cây dược liệu. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm chủ lực, có thể mạnh theo chương trình OCOP.

2.5. Nhóm giải pháp về đất đai:

a) Đất dự kiến phát triển cây dược liệu phải nằm trong vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; Đất trồng cây hàng năm; Đất lâm nghiệp.

b) Trên cơ sở định hướng hình thành các vùng trồng cây dược liệu, được UBND tỉnh phê duyệt. Các huyện, thành phố, thị xã rà lại về địa điểm, quy mô, diện tích, xác định ranh giới các vùng trồng dược liệu. Đồng thời cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 5 năm, hàng năm phục vụ phát triển dược liệu.

2.6. Nhóm giải pháp về đào tạo sử dụng nguồn lao động nông thôn và phát triển nguồn nhân lực:

a) Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho công tác phát triển dược liệu, đặc biệt quan tâm đến nguồn nhân lực có kinh nghiệm, tri thức về dược học cổ truyền từ khâu khai thác đến nuôi trồng, chế biến, sử dụng. Đào tạo chuyên ngành sau đại học hoặc các chương trình đào tạo phù hợp với nhiệm vụ, yêu cầu của doanh nghiệp, tổ chức.

b) Đào tạo và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực dược, thực hiện cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ để khắc phục sự mất cân đối nguồn nhân lực dược giữa các vùng, đặc biệt đảm bảo đủ nhân lực cho các vùng trồng và khai thác dược liệu lớn, các dự án trọng điểm phát triển.

c) Có kế hoạch tuyển dụng, thu hút nhân tài trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển dược liệu.

d) Tăng cường giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu và quản lý tài nguyên, môi trường; Nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư để khai thác, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường.

đ) Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học công nghệ, tăng cường huấn luyện, đào tạo các tổ chức, cá nhân tham gia vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược liệu theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn; quy trình kỹ thuật khai thác và trồng trọt theo GACP-WHO.

e) Huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào việc nuôi trồng, phát triển dược liệu.

g) Ưu tiên sử dụng lao động là người dân địa phương tự nguyện trả đất hoặc góp vốn bằng quyền sử dụng đất nông nghiệp vào phát triển dược liệu.

h) Đào tạo nguồn nhân lực là người dân địa phương cần phải lồng ghép các chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững, chương trình xây dựng nông thôn mới, các dự án ODA,...

2.7. Nhóm giải pháp về xúc tiến đầu tư và bảo quản, chế biến, tiêu thụ dược liệu:

a) Xây dựng hệ thống thu gom, sơ chế và bảo quản dược liệu tại mỗi vùng phát triển tập trung. Vị trí khu thu gom, sơ chế đặt gần các vùng nguyên liệu để

thuận tiện cho việc tập kết và sơ chế, bảo quản. Mỗi vùng (một xã hoặc một vài xã có diện tích cây dược liệu) bố trí một khu tập kết, thu gom và sơ chế, bảo quản cây dược liệu. Quy mô tùy theo vùng sản xuất.

b) Thực hiện tiêu thụ sản phẩm qua các kênh: Các tổ chức kinh tế là các công ty kinh doanh dược liệu; các hình thức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; Công ty thương mại... với việc hợp đồng, bao tiêu sản phẩm. Hình thức tiêu thụ sản phẩm qua các kênh giúp cho việc sản xuất được chuyên môn hóa trong từng khâu, từng lĩnh vực sản xuất, từ đó giúp cho thị trường sản xuất và tiêu thụ phát triển ổn định và bền vững. Đây cũng là hình thức tiêu thụ giúp cho vùng sản xuất cây dược liệu dần đi vào chuẩn hóa để quản lý được chất lượng sản phẩm đầu ra khi tiêu thụ trên thị trường.

c) Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu cho các loại cây dược liệu, các sản phẩm chế biến từ nguồn dược liệu được nuôi trồng, sản xuất chế biến từ nguồn các loại cây dược liệu của tỉnh để góp phần quảng bá và nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế cho người sản xuất, chế biến và tiêu thụ.

2.8. Nhóm giải pháp về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

Các Dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư, ưu đãi đầu tư được thực hiện theo nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020.

2.9. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách, vốn đầu tư thực hiện Đề án:

a) Nguồn vốn Trung ương: Thông qua cơ chế hỗ trợ của Nghị định 65/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về chính sách đặc thù về giống, vốn và công nghệ trong phát triển nuôi trồng, khai thác dược liệu; Nguồn vốn chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2020-2025. - Thông qua các chương trình khuyến nông, dự án khoa học công nghệ của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế để phát triển sản xuất cây dược liệu trên địa bàn tỉnh.

b) Nguồn ngân sách trong tỉnh: Được huy động từ nguồn vốn xây dựng Nông thôn mới, vốn ngân sách sự nghiệp hàng năm của tỉnh.

c) Nguồn vốn hợp pháp khác: Vốn vay ưu đãi phát triển dược liệu từ ngân hàng thương mại; Vốn đầu tư của doanh nghiệp, tư nhân, vốn tín dụng và vốn tự có của Nhân dân. - Thực hiện sản xuất và hỗ trợ thông qua các dự án, đề án được xây dựng từ các ngành, các địa phương, doanh nghiệp, cá nhân... được các cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

III. Kinh phí dự kiến và hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của Kế hoạch:

1. Kinh phí thực hiện kế hoạch:

Thực hiện theo dự toán của Đề tài “Kế hoạch bảo tồn và phát triển dược liệu tỉnh Đồng Nai đến năm 2025 và định hướng 2035” do Viện Dược liệu xây dựng và được công nhận (*Chi tiết có Phụ lục 04 kèm theo*).

2. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của đề án:

2.1. Hiệu quả kinh tế, xã hội:

a) Hiệu quả kinh tế:

- Với những kết quả dự kiến nêu trên có thể dễ dàng nhận thấy sản xuất cây dược liệu là ngành hàng có giá trị cạnh tranh cao, hiệu quả kinh tế đem lại cho người sản xuất là rất lớn. Hiệu quả kinh tế trực tiếp do quy hoạch đem lại tùy thuộc vào đối tượng, chủng loại cây dược liệu lựa chọn phát triển sản xuất.

- Cụ thể thu nhập (kể cả công lao động của người sản xuất) được dự tính bình quân sẽ cao hơn 2 - 8 lần so với cây Ngô và gấp 1 - 4 lần so với cây Keo, bằng hoặc cao hơn một số cây công nghiệp như Cà phê, Tiêu, Bơ.

- Trồng cây dược liệu giúp đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, giảm thiểu rủi ro từ nhóm cây trồng chủ lực do biến động thị trường và dịch bệnh diễn biến phức tạp tại tỉnh Đồng Nai, qua đó góp phần ổn định và cải thiện kinh tế hộ gia đình.

b) Hiệu quả xã hội:

- Quy hoạch được triển khai, hàng năm sẽ cung cấp cho thị trường lượng dược liệu rất lớn, từ đó góp phần đáp ứng được nhu cầu về thuốc chữa bệnh và nâng cao sức khỏe cho người tiêu dùng.

- Khi sản xuất cây dược liệu phát triển sẽ tạo việc làm thường xuyên cho các lao động trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là lao động nông nhân. Dự kiến thu hút tới khoảng 1.000 lao động tham gia vào các khâu sản xuất cây dược liệu như: trồng trọt, sơ chế, chế biến... Đây là lực lượng lao động rất lớn tại vùng nông thôn sẽ có thêm việc làm và mức thu nhập ngày càng được nâng cao, góp phần cải thiện đời sống cho người dân tại các vùng quy hoạch.

2.2. Hiệu quả môi trường:

a) Bảo tồn và phát triển cây dược liệu làm giảm áp lực khai thác từ rừng tự nhiên góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo tồn hệ sinh thái, bảo tồn loài, nhất là các loài cây dược liệu đặc hữu, quý, hiếm của tỉnh Đồng Nai.

b) Đa phần cây dược liệu có thời gian sinh trưởng dài hơn so với cây ngô và lúa, do đó việc trồng cây dược liệu giúp tăng độ che phủ đất, giảm thiểu hiện tượng xói mòn. Nhiều loại cây dược liệu sống dưới tán rừng giúp cho tăng độ ẩm đất,

tăng độ màu mỡ và giữ nước cho đất, đây là yếu tố rất quan trọng giúp cải thiện môi trường sinh thái.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Y tế:

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng, thẩm định các dự án ưu tiên trình UBND tỉnh phê duyệt và hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện; xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện Kế hoạch, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kế hoạch kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước, thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Chủ trì phối hợp các Sở, ngành liên quan, các huyện, thành phố hướng dẫn thực hiện các hoạt động bảo tồn, khai thác và trồng cây dược liệu.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành và các đơn vị có liên quan trong việc định kỳ điều tra, thu thập thông tin về tình hình khai thác, kinh doanh, sử dụng dược liệu và vị thuốc từ dược liệu cả trong và ngoài hệ thống khám chữa bệnh bằng bảo hiểm xã hội để có những số liệu cập nhật và đầy đủ định hướng cho công tác bảo tồn và phát triển dược liệu của tỉnh.

d) Thẩm định vùng bảo tồn, khai thác và trồng dược liệu.

đ) Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư bảo tồn và phát triển dược liệu; chủ trì phối hợp các Sở, ngành, địa phương thực hiện chính sách hỗ trợ bảo tồn và phát triển dược liệu theo phân cấp ngân sách của UBND tỉnh.

e) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các Sở, ngành liên quan trong nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ mới; tham mưu cho UBND tỉnh hợp tác với Bộ Khoa học và Công nghệ, các cơ quan nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước về nghiên cứu, chuyển giao khoa học và công nghệ và đầu tư trong công tác bảo tồn và phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh.

g) Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực ngành phụ trách trong các hoạt động khai thác, bảo tồn và phát triển dược liệu.

h) Thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Tỉnh ủy về kết quả thực hiện Kế hoạch.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Phối hợp với Sở Y tế và các ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất các giải pháp về khoa học công nghệ, ứng dụng vào công tác bảo tồn và phát triển dược liệu; hỗ trợ xây dựng, phát triển thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đưa cây thuốc/cây dược liệu vào đối tượng thuộc kế hoạch khung nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ quỹ gen cấp tỉnh giai đoạn 2025 - 2035.

c) Chủ trì, phối hợp với các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên, rừng đặc dụng, Hội đồng y xây dựng các vườn bảo tồn chuyển vị (ex situ) ở quy mô khác nhau để bảo tồn, lưu giữ, nhân giống các nguồn gen cây thuốc đặc hữu, quý, hiếm, có giá trị kinh tế của tỉnh Đồng Nai.

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng CSDL phục vụ truy xuất nguồn gốc, trao đổi, cập nhật thông tin liên ngành, liên nhà trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ dược liệu.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

a) Định kỳ báo cáo đánh giá về diện tích, sản lượng và giá trị các nhóm cây trồng trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, phối hợp với Sở Y tế, các địa phương và đơn vị liên quan theo dõi, đánh giá hiệu quả kinh tế mang lại của các dự án trồng cây dược liệu được triển khai thực hiện.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học Công nghệ, địa phương trong việc đề xuất thực hiện các đề tài, dự án, chương trình liên quan đến cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Hỗ trợ, hướng dẫn triển khai kỹ thuật khai thác, nhân giống, trồng, chăm sóc và sơ chế dược liệu sau khi được chuyển giao các quy trình kỹ thuật. Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, hỗ trợ trưng bày và giới thiệu sản phẩm dược liệu đã được thương mại hóa theo chức năng, nhiệm vụ được giao, góp phần tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm dược liệu.

d) Phối hợp với UBND các huyện, thành phố trong công tác quản lý hoạt động khai thác cây thuốc tự nhiên, đặc biệt là những cây thuốc khai thác với khối lượng lớn. Quản lý bảo vệ rừng chặt chẽ, có hiệu quả và tránh bị tác động.

đ) Thường xuyên theo dõi tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ của ngành và báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

e) Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan định kỳ thu thập thông tin về tình hình sản xuất, khai thác cây thuốc tự nhiên để định hướng cho công tác bảo tồn và phát triển dược liệu của tỉnh Đồng Nai.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, tham vấn cho UBND tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ trong việc xây dựng địa điểm thực hiện các đề tài, dự án, chương trình liên quan đến cây thuốc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Tham mưu cho UBND tỉnh về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ bảo tồn và phát triển sản xuất cây dược liệu; tham mưu đề xuất các thủ tục liên quan về giao đất, thuê đất, chuyển nhượng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, dồn điền đổi thửa, hướng dẫn quy định về môi trường của các khu, vùng nuôi trồng cây dược liệu.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án đầu tư cho công tác bảo tồn và phát triển dược liệu; tham mưu cho UBND tỉnh cân đối các nguồn lực đầu tư cho bảo tồn và phát triển dược liệu của tỉnh; xây dựng các giải pháp huy động, bố trí lồng ghép các nguồn vốn cho bảo tồn và phát triển dược liệu; phối hợp với các Sở, Ban, ngành thực hiện chính sách hỗ trợ công tác bảo tồn và phát triển dược liệu.

6. Sở Tài chính:

a) Hàng năm, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị có liên quan tham mưu, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp hiện hành.

b) Hướng dẫn các đơn vị liên quan trình tự, thủ tục đảm bảo đúng quy định hiện hành

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước trong thực hiện đề tài, đề án.

7. Đài Phát thanh - Truyền hình Đồng Nai:

Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, Ban, ngành, địa phương tuyên truyền nhận thức của người dân, doanh nghiệp về bảo tồn và phát triển dược liệu. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tiêu thụ dược liệu và sản phẩm từ dược liệu của tỉnh.

8. Sở Công Thương:

Chủ trì nghiên cứu thực hiện các giải pháp phát triển thị trường tiêu thụ dược liệu, tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tiêu thụ và quảng bá dược liệu và sản phẩm từ dược liệu trên địa bàn tỉnh, thực hiện các dự án khuyến công liên quan.

9. UBND các huyện, thành phố:

a) Phối hợp triển khai các đề tài dự án trồng, sản xuất cây dược liệu. Kiểm tra, báo cáo tình hình triển khai các dự án bảo tồn và phát triển cây thuốc trên địa bàn huyện.

b) Quản lý các hoạt động khai thác cây thuốc tự nhiên, đặc biệt là những cây thuốc khai thác với số lượng lớn.

c) Quy hoạch chi tiết các vùng bảo tồn, khai thác và trồng dược liệu; xây dựng kế hoạch sử dụng đất, thực hiện giải phóng mặt bằng, giao đất.

d) Xây dựng kế hoạch hàng năm thực hiện Kế hoạch trên địa bàn huyện, thành phố, kế hoạch cụ thể cho các hoạt động vùng bảo tồn, khai thác và trồng cây dược liệu, dự kiến bố trí nguồn kinh phí, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân công tổ chức thực hiện.

đ) Phối hợp với các Sở, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các hoạt động với các vùng bảo tồn và trồng cây dược liệu; phối hợp thẩm định vùng bảo tồn, khai thác, trồng cây dược liệu.

e) Tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư cho công tác bảo tồn và phát triển dược liệu; chủ trì, phối hợp các Sở, ngành thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện bảo tồn và phát triển dược liệu theo phân cấp ngân sách.

g) Thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, quản lý nhà nước lĩnh vực ngành phụ trách trong vùng bảo tồn, khai thác và trồng cây dược liệu trên địa bàn quản lý; thực hiện chế độ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Kế hoạch trên địa bàn thông qua cơ quan thường trực (Sở Y tế)

10. Tổ chức khoa học, công nghệ:

a) Xây dựng đề xuất các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực dược liệu, xây dựng thuyết minh và phương án thực hiện các nhiệm vụ khoa học.

b) Chuyển giao các quy trình, kỹ thuật tương ứng đối với các đơn vị quản lý của tỉnh Đồng Nai làm cơ sở cho việc thực hiện kế hoạch.

c) Tham mưu thực hiện giải pháp về công nghệ, máy móc, thiết bị, dịch vụ phát triển sản xuất dược liệu.

11. Tổ chức đoàn thể, các đơn vị có liên quan:

a) Hội Nông dân, Mặt trận và các Đoàn thể: đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, giúp đỡ nông dân tham gia bảo tồn, khai thác và nuôi trồng dược liệu theo đúng quy định; phát động các phong trào thi đua, khuyến khích phát triển sản phẩm, nhân rộng điển hình tiên tiến trong quản lý, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong công tác phát triển dược liệu.

b) Ban Dân tộc: phối hợp với Sở Y tế theo dõi, tổng hợp, tham mưu các dự án phát triển cây dược liệu thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 – 2025.

12. Các nhà đầu tư trồng cây dược liệu:

a) Thực hiện khai thác, trồng cây dược liệu theo đúng quy hoạch, theo GACP-WHO, FairWild; đảm bảo nâng cao chất lượng, giá trị dược liệu.

b) Đảm bảo kinh phí đối ứng để thực hiện các mô hình sản xuất được liệu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

c) Nghiên cứu, tìm hiểu nội dung Kế hoạch được phê duyệt; liên hệ với các Nhà quản lý tại các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện/thành phố để được tạo điều kiện hướng dẫn thực hiện theo quy định. Đồng thời hợp tác với Nhà khoa học để được tư vấn về đối tượng và chuyển giao quy trình, kỹ thuật nuôi trồng, sản xuất được liệu; hợp tác với người dân để triển khai các hoạt động phát triển được liệu ở địa phương.

d) Khi thực hiện dự án cần thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải đăng ký nhu cầu sử dụng đất trong năm thực hiện gửi về UBND cấp huyện nơi có đất và Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện làm căn cứ thực hiện.

13. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch:

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Đề án này và chức năng nhiệm vụ có liên quan, các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Đề án; định kỳ hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý) và báo cáo năm (trước ngày 15 tháng 12); định kỳ giai đoạn 2025, 2030, 2035 gửi về Sở Y tế để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.//

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
 - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
 - Các sở, ban, ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
 - UBND các huyện, thành phố;
 - Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KGVX.
- (Tài)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng

PHỤ LỤC 1

DANH LỤC CÁC LOÀI CÂY ĐƯỢC LIỆU CẦN ĐƯỢC BẢO TỒN Ở TỈNH ĐỒNG NAI

Xem theo Kế hoạch số 330 /KH-UBND ngày 1 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



ST T	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Thuộc danh lục bảo tồn			Địa điểm bảo tồn in situ		Địa điểm bảo tồn ex situ		
				SDVN 2007	DL ĐCTVN 2019	NĐ 84/2021	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hộ Tân Phú	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên
I. POLYPODIOPHYTA - NGÀNH DƯƠNG XỈ											
1	Tắc kè đá (tên gọi khác là Tắc kè đá Bon)	<i>Drynaria bonii</i> H. Christ	Polypodiaceae	VU	EN A1c,d	IIA	x	x	x	x	
II. PINOPHYTA - NGÀNH THÔNG											
2	Thiên tuế xiêm	<i>Cycas siamensis</i> Miq.	Cycadaceae			IIA	x	x		x	x
III. MAGNOLIOPHYTA - NGÀNH NGỌC LAN											
1. LILIOPSIDA - LỚP MỘT LÁ MÀM											
3	Huệ đá	<i>Peliosanthes teta</i> Andrews subsp. <i>humilis</i> (Andr.) Jessop	Asparagaceae	VU A1c,d	VU B2a,b(ii,iii, iv)		x	x		x	x
4	Nân nghệ	<i>Dioscorea colletii</i> Hook. f.	Dioscoreaceae	EN A1a,b,c,d	VU B2a,b(ii,iii, iv)		x	x		x	x

ST T	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Thuộc danh lục bảo tồn			Địa điểm bảo tồn <i>in situ</i>		Địa điểm bảo tồn <i>ex situ</i>			
				SDVN 2007	DL DCTVN 2019	ND 84/2021	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hộ Tân Phú	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hộ Tân Phú
5	Một lá	<i>Nervilia</i> spp.	Orchidaceae	VU B1+2b,c,e; EN A1d+2d	EN A1a,c,d		X	X		X	X	
2. MAGNOLIOPSIDA - LỚP HAI LÁ MẪM												
5	Ba gạc lá mỏng	<i>Rauvolfia micrantha</i> Hook.f.	Apocynaceae	VU A1c,d	VU B2a,b(iii,iv ,v)		X			X	X	
6	Bách bộ lá nhỏ	<i>Stemona pierreii</i> Gagnep.	Stemonaceae		VU B2a,c(ii,iii, iv)		X	X	X	X		X
7	Bồ bèo đen (tên gọi khác là Giá đề Đồng Nai)	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban	Annonaceae	VU A1a,c,d, B1+2b,e			X	X		X	X	
8	Cỏ an	<i>Arcangelisia flava</i> (L.) Merr.	Menispermaceae		VU B2a,b(ii,iii, iv)		X	X	X	X		X
9	Dây nam hoàng	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Menispermaceae			IIA	X			X		
10	Giáng hương (tên)	<i>Pterocarpus macrocarpus</i>	Fabaceae			IIA	X		X	X	X	

ST T	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Thuộc danh lục bảo tồn			Địa điểm bảo tồn <i>in situ</i>			Địa điểm bảo tồn <i>ex situ</i>		
				SDVN 2007	DL DCTVN 2019	NĐ 84/2021	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hệ Tân Phú	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hệ Tân Phú
	gọi khác là Giáng huang trái to)	Kurz										
11	Gỗ đỏ	<i>Azelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib.	Fabaceae			IIA	x			x		x
12	Gỗ mật	<i>Sindora siamensis</i> Tejism. ex Miq.	Fabaceae			IIA	x			x	x	
13	Hoàng đằng	<i>Fibraurea</i> <i>tinctoria</i> Lour.	Menispermaceae			IIA	x	x	x	x		
14	Lệ dương	<i>Aeginetia indica</i> L.	Orobanchaceae	VU B1+2b.c	VU B2a,b(ii,iii, iv)		x			x	x	
15	Trà hoa vàng Dormoy	<i>Canellia</i> <i>dormoyana</i> (Pierre ex Laness.) Sealy	Theaceae		VU B2a,b(ii,iii, iv)		x	x		x	x	x
16	Trắc dây	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb	Fabaceae			IIA	x	x		x		x
17	Dó bầu (tên gọi khác là Trầm gió)	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte;	Thymelaeaceae	EN A1c,d B1+2b,c,e	CR A1a,c,d				x	x		x

ST T	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Họ thực vật	Thuộc danh lục bảo tồn			Địa điểm bảo tồn <i>in situ</i>			Địa điểm bảo tồn <i>ex situ</i>		
				SBVN 2007	DL DCTVN 2019	NĐ 84/2021	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hộ Tân Phú	KBT TN-VH Đồng Nai	VQG Cát Tiên	Rừng phòng hộ Tân Phú
18	Vàng đắng	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr.	Menispermaceae			IIA	x	x	x	x		x
19	Ưoi	<i>Scaphium macropodum</i> (Miq.) Beunee ex K. Heyne	Malvaceae				x	x	x	x	x	

Kí hiệu x: Đánh dấu địa điểm bảo tồn *in situ* và *ex situ*



PHỤ LỤC 2

DANH LỤC CÂY THUỐC TỰ NHIÊN CÓ TIỀM NĂNG KHAI THÁC TẠI TỈNH ĐỒNG NAI
Kèm theo Kế hoạch số 330 /KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Cây thuốc	Tên khoa học	Họ thực vật	Bộ phận sử dụng	Khối lượng khai thác (kg/năm)	Địa điểm
1.	Chè dây	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. et Arn) Planch.	Violaceae	Lá, thân cành	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
2.	Lạc tiên	<i>Passiflora foetida</i> L.	Passifloraceae	Lá, thân cành	5.000	Trảng Bom, Định Quán, Xuân Lộc, Long Khánh
3.	Thành ngạnh	<i>Cratoxylon prunifolium</i> Dyer.	Hypericaceae	Vỏ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
4.	Cốt toái bỏ	<i>Drynaria bonii</i> Christ; <i>Drynaria quercifolia</i> (L.) J.Sm.	Polypodiaceae	Thân rễ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
5.	Thành ngạnh đẹp	<i>Cratoxylum formosum</i> (Jacq.) Benth. & Hook.f. ex Dyer	Hypericaceae	Vỏ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
6.	Chó đẻ răng cưa	<i>Phyllanthus urinaria</i> L.	Phyllanthaceae	Cả cây	2.000	Long Thành, Cẩm Mỹ, Tân Phú
7.	Nhóm loài huyết đằng	<i>Spatholobus harmandii</i> Gagnep; <i>Spatholobus parviflorus</i> (Roxb. ex G.Don) Kuntze; <i>Callerya cinerea</i> (Benth.) Schot; <i>Callerya reticulata</i> (Benth.) Schot; <i>Callerya cochinchinensis</i> (Gagnep.) Schot; <i>Bauhinia khasiana</i> Baker	Fabaceae	Thân	3.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
8.	Cỏ an, Dây hoàng liên	<i>Arcangelisia flava</i> (L.) Merr.	Menispermaceae	Thân	1.000	Vĩnh Cửu, Xuân Lộc

Trụ sở Khối Nhà nước tỉnh - Số 2, Nguyễn Văn Trị, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai.

ĐT: 0251. 3822.501

Fax: 0251.3823.854

Website: <http://dongnai.gov.vn>

STT	Cây thuốc	Tên khoa học	Họ thực vật	Bộ phận sử dụng	Khối lượng khai thác (kg/năm)	Địa điểm
9.	Cỏ mọc song đĩnh, Rau báo rừng	<i>Curculigo disticha</i> Gagnep.	Hypoxidaceae	Rễ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú
10.	Bách bộ	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.; <i>Stemona pierrei</i> Gagnep.	Stemonaceae	Rễ	1.000	Định Quán, Tân Phú
11.	Mùa sài gòn	<i>Melastoma saigonense</i> (Kuntze) Merr.	Melastomataceae	Cả cây	3.000	Long Khánh, Tân Phú, Vĩnh Cửu
12.	Nhóm nhân trần	<i>Adenosma glutinosa</i> (L.) Druce; <i>Adenosma indiana</i> (Lour.) Merr.	Scrophulariaceae	Thân và lá	3.000	Tân Phú, Định Quán
13.	Bách bệnh (tên gọi khác: Bả bệnh, Mật nhân)	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack	Sinaraubaceae	Rễ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc
14.	Gắm	<i>Gnetum montanum</i> Markgr.; <i>Gnetum macrostachyum</i> Hook.f.	Gnetaceae	Thân	1.500	Vĩnh Cửu, Xuân Lộc
15.	Ráy gai	<i>Lasia spinosa</i> (L.) Thw.	Araceae	Củ	2.000	Tân Phú, Vĩnh Cửu
16.	Núc nác	<i>Oroxylum indicum</i> (L.) Kurz	Bignoniaceae	Vỏ	1.000	Vĩnh Cửu
17.	Gỏi hạc	<i>Leea rubra</i> Blume	Leeaceae	Củ	1.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú
18.	Trung quân	<i>Ancistrocladus tectorius</i> (Lour.) Merr.	Ancistrocladaceae	Thân	5.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú
19.	Bồ bèo đen (tên gọi khác là Giã đé Đông Nai)	<i>Goniotalamus vietnamensis</i> Bân	Anonaceae	Rễ và Thân	1.000	Vĩnh Cửu
20.	Thiên niên kiện	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott; <i>Homalomena cochinchinensis</i> Engl.	Araceae	Củ	3.000	Vĩnh Cửu, Tân Phú
21.	Dây đau xương	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	Menispermaceae	Thân	2.000	Vĩnh Cửu, Xuân Lộc

STT	Cây thuốc	Tên khoa học	Họ thực vật	Bộ phận sử dụng	Khối lượng khai thác (kg/năm)	Địa điểm
22.	Địa liên	<i>Kaempferia galanga</i> L.	Zingiberaceae	Thân rễ	2.000	Tân Phú
23.	Câu dăng	<i>Uncaria macrophylla</i> Wall. ex Roxb.; <i>Uncaria lanosa</i> Wall.	Rubiaceae	Cành mang móc	1.500	Tân Phú, Vĩnh Cửu
24.	Thần xạ hương	<i>Luvunga scandens</i> (Roxb.) Buch. - Ham.	Rutaceae	Thân và lá	1.500	Vĩnh Cửu
25	Nhàu	<i>Morinda citrifolia</i> L.	Rubiaceae	Quả, rễ	1.500	Vĩnh Cửu, Tân Phú



PHỤ LỤC 3

DANH LỤC CÁC LOÀI CÂY ĐƯỢC LIỆU ƯU TIÊN PHÁT TRIỂN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Kế hoạch số 330 /KH-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

TT	Tên Việt Nam	Đôi tượng	Nơi trồng	Diện tích trồng (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn/năm)	Bộ phận sử dụng	Công dụng
I Trồng dưới tán rừng								
1.	Bách bệnh (tên gọi khác: Bá bệnh, Mật nhân) - <i>Eurycoma longifolia</i> Jack	1,4	Vĩnh Cửu	50	2	100 (sau 5 năm)	Rễ khô	Thanh nhiệt, lợi tiểu, lương huyết
2.	Sa nhân - <i>Amonum longiligulare</i> T. L. Wu., <i>A. villosum</i>	1,2,3	Tân Phú, Vĩnh Cửu	100	1	100 (sau 3 năm)	Quả khô	Chữa trị tiêu chảy, ăn uống khó tiêu
3.	Trà hoa vàng - <i>Camellia</i> spp.	1	Tân Phú, Vĩnh Cửu	50	0,5	25 (sau 3 năm)	Lá khô	Thanh nhiệt, giải độc, tốt cho tim mạch,
					0,1	5 (sau 3 năm)	Hoa	
II Trồng tập trung hoặc xen cây công nghiệp, cây ăn quả								
4	Dó bầu (tên gọi khác là Trâm giỗ) - <i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Đôi tượng có nhu cầu lớn từ thị trường	Tân Phú, Định Quán	300	2 (Trâm)	600 (sau 5 năm)	Trâm	An thần, điều trị các bệnh về khớp

TT	Tên Việt Nam	Đôi tượng	Nơi trồng	Diện tích trồng (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn/năm)	Bộ phận sử dụng	Công dụng
5	Hoài sơn - <i>Dioscorea persimilis</i> Prain et. Burkill	1,2,3,4,5	Cắm Mỹ, Xuân Lộc	50	4	200	Rễ củ khô	Kém ăn, tiêu chảy lâu ngày, phế hư, ho suyễn, di tình, đới hạ, tiêu khát
6	Kim ngân - <i>Lonicera japonica</i> , <i>L. confusa</i> DC.	1,2,3,4	Cắm Mỹ, Xuân Lộc	50	0,15 0,35	7,5 17,5	Nụ hoa khô Thân cành khô	Ung nhọt, ban sởi, mảy đay, lở ngứa, cảm mạo phong nhiệt, ôn bệnh phát nhiệt, nhiệt độc huyết lị
7	Lá khôi - <i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf.	1	Tân Phú, Định Quán	50	1,5	75 (sau 3 năm)	Lá khô	Đau dạ dày thể đa toan, nuốt chua, ợ hơi
8	Lạc tiên - <i>Passiflora foetida</i> L.	1,2,3,4	Vĩnh Cửu, Cắm Mỹ, Long Thành	50	1,5	75	Lá khô	Suy nhược thần kinh, tim hồi hộp, mất ngủ, ngủ mơ
9	Mạch môn - <i>Ophiopogon japonicus</i> (L.f.) Ker - Gawl.	1,2,3,4	Cắm Mỹ, Xuân Lộc	50	2	100/ 3 năm	Rễ khô	Phế nhiệt, do âm hư, ho khan, ho lao, tân dịch thương tổn, tâm phiền, mất ngủ, tiêu khát, lão bón
10	Nhân trần - <i>Adenosma spp.</i>	1,2,3,4	Tân Phú, Định Quán	50	4	20	Cả cây	Viêm gan vàng da, viêm túi mật, tiêu vàng, tiêu đục ít, phụ nữ sau sinh ăn chậm tiêu
11	Nhàu - <i>Morinda citrifolia</i> L.	4	Cắm Mỹ, Vĩnh Cửu	20	1,5	30 (Sau 3 năm)	Rễ, trái	Đau nhức xương khớp, huyết áp cao, phụ nữ sau

TT	Tên Việt Nam	Đối tượng	Nơi trồng	Diện tích trồng (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn/năm)	Bộ phận sử dụng	Công dụng
								khí sinh yếu mệ; còn dùng với tính chất tăng cường miễn dịch, tăng sức đề kháng cho cơ thể
12	Sâm bô chính- <i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.	4, Đới tượng có nhu cầu lớn từ thị trường	Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất, Vĩnh Cửu	10 - 20	2	30	Rễ	Cơ thể suy nhược, hư lao. kém ăn, kém ngủ, thần kinh suy nhược, hoa mắt, chóng mặt, đau dạ dày, tiêu chảy, ho, viêm họng, viêm phế quản
13	Thiên môn đông - <i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.	1,2,3	Tân Phú, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc	20	2,5	50/ 2 năm	Rễ	Phế rạo ho khan, đờm dính, họng khô, miệng khát, ruột rạo táo bón
14	Trinh nữ hoàng cung - <i>Crinum latifolium</i> L.	4	Long Khánh, Long Thành, Cẩm Mỹ	20	3	60	Lá	Tiểu tiện bí đứ, u xơ tuyến tiền liệt, u vú, u tử cung, dạ dày
15	Xảo tam phân - <i>Paramignya trimera</i> (Oliv.) Guillaum	1,2,3	Thống Nhất, Trảng Bom	50	6 2	300 (từ năm thứ 2) 100/ 3 năm	Thân lá khô Rễ khô	Bảo vệ gan và hỗ trợ điều trị ung thư

1. Cây được liệu thuộc danh mục 100 loại cây có giá trị y tế và kinh tế cao để tập trung phát triển gia đoạn 2020-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ-BYT 20/8/2019 của Bộ Y tế
2. Cây được liệu nằm trong nhóm được liệu được sử dụng nhiều trong khám và chữa trị thuộc khối công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2021
3. Cây được liệu nằm trong nhóm được liệu được sử dụng nhiều trong khám và chữa trị thuộc khối ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2020-2021
4. Cây được liệu nằm trong nhóm được liệu được sử dụng nhiều trong sản xuất thuốc ở Việt Nam (Báo cáo kết quả Đề tài cấp Bộ Y tế “Điều tra tình hình khai thác và sử dụng được liệu ở Việt Nam – Viện Dược liệu, 2017)
5. Cây được liệu trong nhóm được liệu được sử dụng nhiều trong các bệnh viện YHCT ở Việt Nam (Báo cáo kết quả Đề tài cấp Bộ Y tế “Điều tra tình hình khai thác và sử dụng được liệu ở Việt Nam – Viện Dược liệu, 2017)

**Danh lục cây được liệu chỉ mang tính chất định hướng, tùy theo nhu cầu thị trường và doanh nghiệp đầu tư, bao tiêu sản phẩm mà số lượng thành phần, quy mô và diện tích trồng có thể thay đổi*



PHỤ LỤC 4
KHAI TOÁN VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN
(Kèm theo Kế hoạch số 330 /KH-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Khái toán Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)		Xã hội hóa
					Ngân sách Nhà nước		
1 Bảo tồn cây được liệu tự nhiên							
1	Nghiên cứu đánh giá sinh trưởng và phát triển của 20 loài cây thuốc quý hiếm, có giá trị kinh tế, giá trị y học cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2024 - 2027	- Báo cáo hiện trạng, sinh trưởng, phát triển các nguồn gen. - Báo cáo đặc điểm nông sinh học các nguồn gen tại tự nhiên	5.000		5.000	
2	Điều tra phân bố, đánh giá nguồn gen của nhóm cây thuốc quý hiếm có giá trị cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2024 - 2027	Báo cáo hiện trạng, phân bố các nguồn gen cây thuốc có giá trị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	3.000		3.000	
3	Định kỳ kiểm kê, đánh giá nguồn gen các loài cây thuốc thuộc diện bảo tồn, các nguồn gen quý, hiếm, có giá trị kinh tế	2025 - 2030	Các loài trong danh mục được bảo tồn an toàn về diện tích, số lượng cá thể và chất lượng	1.000		1.000	
4	Dự án Vườn bảo tồn Vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia Nam Bộ tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai (thay đổi thành dự án “Vườn bảo tồn và phát triển cây thuốc quốc gia đồng Nam bộ tại Khu Bảo tồn thiên nhiên - Văn hóa Đồng Nai”, quy mô 200 ha và thời gian từ năm 2024 – 2035 tại Quyết định số 1365/KBT-PBT ngày 11/12/2023)	2024 - 2030	Vườn bảo tồn cây thuốc với quy mô 100 - 200 ha	Theo văn bản số 3969/STC-TCHCSN ngày 16/6/2021, văn bản số 2987/STC-TCHCSN ngày 31/05/2023, văn bản			

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Khái toán Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)		Xã hội hóa
					Ngân sách Nhà nước	Đầu tư	
				7940/STC-TCHCSN ngày 15/12/2023 về thống nhất phân bổ nguồn kinh phí theo giá trị khái toán và phân kỳ hàng năm đề thực hiện Dự án cho Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai.			
II							
Tạo nguồn được liệu bền vững							
Khai thác bền vững cây được liệu tự nhiên							
1	Xây dựng Quy trình khai thác bền vững một số loài cây được liệu có tiềm năng khai thác và sử dụng ở tỉnh Đồng Nai	2025 - 2030	Quy trình khai thác bền vững các loài cây thuốc có giá trị tại tỉnh Đồng Nai	3.000		3.000	
Trồng cây được liệu							
2	- Nghiên cứu xây dựng quy nhân giống, trồng và sơ chế một số loài cây được liệu theo GACP-WHO tại tỉnh Đồng Nai	2024 – 2030	Quy trình nhân giống, trồng và sơ chế 10 loài cây được liệu theo GACP-WHO được cấp có thẩm quyền ban hành - Đảm bảo đầu ra với sản phẩm được liệu	10.000		10.000	

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Khái toán Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)		Xã hội hóa
					Ngân sách Nhà nước		
					Sự nghiệp	Đầu tư	
III							
Phát triển chuỗi giá trị cho cây thuốc							
1	Nghiên cứu tác dụng sinh học, tác dụng được lý một số loài cây thuốc có giá trị cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2024 - 2030	- Báo cáo tác động được lý của một số dược liệu tiềm năng trong phòng và điều trị bệnh - Báo cáo tác động của một số nhóm hoạt chất chính trong một số nhóm cây thuốc trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	10.000		10.000	
2	Nghiên cứu thành phần hóa học, định lượng nhóm hoạt chất chính một số loài cây thuốc có giá trị cao trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	2024 – 2035	- Báo cáo kết quả phân tích thành phần các nhóm hoạt chất sinh học, các nhóm hoạt chất sinh học chính trong các đối tượng được liệu của tỉnh Đồng Nai	5.000		5.000	
3	Dự án Xây dựng, nâng cấp các cơ sở sơ chế, chế biến dược liệu thu hái tự nhiên và trồng tại chỗ đáp ứng yêu cầu chất lượng của thị trường (3 huyện)	2024 - 2035	Hệ thống sơ chế, chế biến dược liệu gắn với vùng trồng/khai thác được liệu đã định hướng				
IV							
Phát triển sản phẩm từ dược liệu							
1	- Nghiên cứu phát triển sản phẩm từ nguồn dược liệu trồng, dược liệu tự nhiên lợi thế của địa phương hướng tới khách hàng nhằm nâng cao chuỗi giá trị của cây dược liệu, bảo tồn và phát huy tri thức bản địa của đồng bào dân tộc thiểu số.	2025 – 2035	Phát triển 10 sản phẩm từ các loài đặc trưng và có lợi thế của tỉnh Đồng Nai. Sản phẩm từ dược liệu (gắn với chương trình	20.000		20.000	

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	Thời gian thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Khái toán Tổng kinh phí (triệu đồng)	Nguồn vốn (triệu đồng)		Xã hội hóa
					Ngân sách Nhà nước	Đầu tư	
			OCOP (Cao được liệu, Trà được liệu, sản phẩm thực phẩm chức năng, sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh) - 2025 - 2030: 5 sản phẩm - 2031 - 2035: 5 sản phẩm				